

Số: 40 /2017/NQ-HĐND

Thừa Thiên Huế, ngày 08 tháng 12 năm 2017

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định cơ chế chính sách huy động nguồn lực đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn mới tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2016 - 2020**

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ T.T. HUẾ	
ĐẾN	Số: 1636
	Ngày: 19/12
	Chuyên: .....

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ  
KHÓA VII, KỲ HỌP THỨ 5**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;*

*Căn cứ Quyết định số 12/2017/QĐ-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;*

*Xét Tờ trình số 8499/TTr-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua phương án Quy định cơ chế chính sách huy động nguồn lực đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn mới tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2016 - 2020; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp,*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Quy định cơ chế chính sách huy động nguồn lực đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn mới tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2016 - 2020 với nội dung chủ yếu sau:

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định cơ chế, chính sách huy động nguồn lực đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn mới tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2016 - 2020.

**2. Đối tượng áp dụng**

Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cộng đồng dân cư thực hiện các hoạt động quản lý, xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020.

**3. Nguyên tắc thực hiện**

a) Ủy ban nhân dân tỉnh, huyện, thị xã, xã huy động và quản lý các nguồn lực thông qua việc xây dựng, phê duyệt kế hoạch, danh mục công trình đầu tư hàng năm của tỉnh, từng huyện, thị xã, xã.

b) Việc vận động nhân dân đóng góp phải đảm bảo theo nguyên tắc tự nguyện, thực hiện theo Pháp lệnh Thực hiện Quy chế dân chủ ở xã, phường, thị trấn do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành.

#### 4. Nguồn lực thực hiện nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới

##### a) Ngân sách trung ương:

- Nguồn vốn trực tiếp của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới;

- Nguồn vốn của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững;

- Nguồn vốn của các Chương trình mục tiêu triển khai trên địa bàn tỉnh;

- Nguồn vốn trái phiếu Chính phủ, vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước, nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn của các tổ chức phi Chính phủ (NGO), và các nguồn vốn khác.

##### b) Ngân sách địa phương:

- Nguồn vốn ngân sách tỉnh (ngân sách tập trung, vốn đầu tư theo tiêu chí, xố số kiến thiết,...) đảm bảo bố trí tối thiểu 2/3 tổng vốn đối ứng của tỉnh để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020.

- Ngân sách huyện, thị xã, xã đảm bảo bố trí tối thiểu 1/3 tổng vốn đối ứng của tỉnh để thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020. Bố trí nguồn thu từ quỹ đất để xây dựng công trình, tái định cư, sản xuất.

##### c) Các nguồn vốn huy động hợp pháp khác:

- Nguồn lực nhân dân đóng góp: Đất và tài sản trên đất (trừ công trình, nhà ở); ngày công, vật tư, tiền; người dân tự đầu tư chỉnh trang lại nhà ở, sân vườn, hàng rào, đường vào nhà, thoát nước thải... của mình theo quy hoạch; nguồn huy động doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước,...

#### 5. Cơ chế sử dụng nguồn lực vào đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn mới

a) Thực hiện lồng ghép các nguồn lực huy động (nguồn vốn của ngân sách trung ương, tỉnh, huyện, thị xã, xã, nhân dân đóng góp và huy động hợp pháp khác) và phân chia tỷ lệ hỗ trợ đầu tư theo danh mục công trình (*phụ lục kèm theo*).

##### b) Các công trình áp dụng cơ chế đầu tư khác, cụ thể:

- Các công trình thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững:

Ngân sách địa phương cân đối đảm bảo bố trí tối thiểu 15% tổng vốn ngân sách trung ương hỗ trợ để thực hiện các hoạt động thuộc nhiệm vụ của địa phương theo quy định của chương trình.

Riêng đối với các công trình giao thông nông thôn là đường xã, trục thôn, liên thôn, đường trục chính nội đồng; kênh mương cấp 2 trở xuống, đê nội đồng do xã quản lý khuyến khích áp dụng cơ chế đặc thù theo Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ.

- Các dự án thuộc các chương trình mục tiêu; các công trình có hiệp định ký kết đối với đối tác ODA; các công trình có văn bản thỏa thuận của nhà tài trợ thì thực hiện theo quy định của các quyết định, hiệp định ký kết hoặc thỏa thuận đó.

- Một số công trình khác như công trình cải tạo, xây dựng mới chợ, công trình cấp nước sinh hoạt, tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở,... các dự án ngoài danh mục đã quy định tỷ lệ hỗ trợ trên, các dự án sử dụng ngân sách tỉnh, giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ vào điều kiện thực tế để quyết định mức hỗ trợ phù hợp.

c) Tổng mức đầu tư để tính tỷ lệ hỗ trợ đầu tư:

Tổng mức đầu tư để áp dụng tính tỷ lệ hỗ trợ đầu tư là tổng mức đầu tư xây dựng công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt sau khi trừ các khoản: dự phòng phí; bồi thường, giải phóng mặt bằng; giá trị đất và tài sản trên đất.

#### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết.

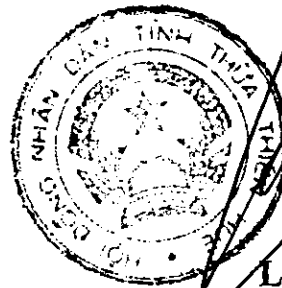
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo nhiệm vụ, quyền hạn đã được pháp luật quy định.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế khóa VII, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2017 và có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 12 năm 2017./.

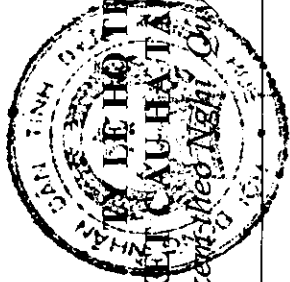
#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- UBTV Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu;
- Các bộ: Tài chính, NN&PTNT;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu QH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, Tp. Huế;
- Công báo tỉnh, Công thông tin điện tử TT. Huế;
- VP: LĐ và các CV;
- Lưu: VT, LT.

**CHỦ TỊCH**



**Lê Trường Lưu**



**TỶ LỆ HỖ TRỢ ĐẦU TƯ TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐỂ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG  
KẾ HOẠCH VÀ QUẢN LÝ ĐẦU TƯ TRONG MÔI GIỚI ĐOẠN 2016-2020 TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

(Ban hành kèm theo Nghị Quyết số 40 /2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của HĐND tỉnh Thừa Thiên Huế)

TT	Danh mục công trình	Tỷ lệ hỗ trợ theo tổng mức đầu tư (%)			Ghi chú
		Các xã thuộc huyện Nam Đông, A Lưới; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển; các xã 135	Các xã còn lại		
		Ngân sách Trung ương, tỉnh	Ngân sách huyện, thị xã, xã và các nguồn vốn huy động khác (trong đó ngân sách huyện, thị xã tối thiểu 50%)	Ngân sách Trung ương, tỉnh	Ngân sách huyện, thị xã, xã và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác (trong đó ngân sách huyện, thị xã tối thiểu 50%)
1	Đường xã; đường trục thôn, liên thôn; đường trục chính nội đồng; kênh mương nội đồng cấp 2 trở xuống, đề nội đồng do xã quản lý (áp dụng cơ chế đặc thù theo Nghị định 161/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các chương trình mục tiêu Quốc gia giai đoạn 2016-2020)	95	5	90	10
2	Đường xã; đường trục thôn, liên thôn; đường trục chính nội đồng; kênh mương nội đồng cấp 2 trở xuống, đề nội đồng, do xã quản lý (không áp dụng cơ chế đặc thù theo Nghị định 161/NĐ-CP ngày 02/12/2016)	80	20	70	30

3	Trạm bơm điện phục vụ tưới, tiêu	90	10	85	15	
4	Trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở	95	5	90	10	
5	Nhà văn hóa xã	Hỗ trợ tới đa 2,5 tỷ	Phân còn lại	Hỗ trợ tới đa 2,5 tỷ	Phân còn lại	
6	Công trình hạ tầng khu sản xuất tập trung, tiểu thủ công nghiệp, thủy sản	85	15	80	20	
7	Công trình khác phục ô nhiễm và cải thiện môi trường tại các làng nghề	85	15	80	20	
8	Công trình thoát nước thải khu dân cư	85	15	80	20	
9	Công trình thu gom xử lý rác thải	85	15	80	20	